

Các yếu tố ảnh hưởng đến tín ngưỡng dân gian của người Việt vùng đồng bằng Bắc Bộ

Bùi Văn Dũng¹, Nguyễn Thị Cẩm Tú²

¹ Trường Đại học Vinh.
Email: tsbuidung@vinhuni.edu.vn

² Trường Đại học Thủy Lợi.
Email: camtu.hnue@gmail.com

Nhận ngày 27 tháng 3 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 5 tháng 5 năm 2017.

Tóm tắt: Tín ngưỡng dân gian của người Việt được hình thành từ thời nguyên thủy; phản ánh sự ngưỡng mộ, tín tưởng của con người vào các lực lượng siêu nhiên, hư ảo có tính chất thiêng liêng huyền bí. Ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, tín ngưỡng dân gian có nhiều loại hình khác nhau; gắn bó thiết thực với đời sống tinh thần của người dân; thể hiện rõ trong sinh hoạt cộng đồng và có vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội địa phương. Nó chịu sự tác động như điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội, lịch sử, văn hóa của Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo. Các cấp chính quyền và người dân vùng đồng bằng Bắc Bộ cần có thái độ ứng xử đúng đắn với tín ngưỡng dân gian; cần phân biệt được tín ngưỡng dân gian tiêu cực và tín ngưỡng dân gian tích cực để làm lành mạnh hóa đời sống tinh thần của cư dân trong vùng.

Từ khóa: Tín ngưỡng dân gian, người Việt Nam, đồng bằng Bắc Bộ.

Abstract: The Vietnamese folk beliefs, which were formed during the primitive times, reflect man's cult and faith in mythical and supernatural forces. In the country's Northern Delta, the beliefs are diverse and closely linked to the locals' spiritual life. They are expressed clearly in the community activities and play an important role in the local socio-economic life, under the various impacts of natural and socio-economic, historical and cultural conditions of Buddhism, Confucianism and Taoism. Administrative authorities and people in the Delta need to have correct attitudes and behaviours towards the folk beliefs, distinguishing between the negative and positive ones, so as to make the locals' spiritual life healthier.

Keywords: Folk beliefs, Vietnamese, Northern Delta.

1. Mở đầu

Đồng bằng Bắc Bộ, là một vùng đất phù sa màu mỡ và là một trong những nôi văn hóa của người Việt Nam. Từ xa xưa, cư dân trên

mảnh đất phù sa ấy đã có những hoạt động văn hóa tinh thần phong phú. Trong đó hoạt động tín ngưỡng dân gian là món ăn tinh thần không thể thiếu của người dân. Với tư cách là một thành tố cấu thành của văn hóa

dân gian, một bộ phận của ý thức xã hội, tín ngưỡng dân gian của người Việt vùng đồng bằng Bắc Bộ phản ánh hoạt động sản xuất, tâm tư, nguyện vọng của người dân trước sự biến động đầy khắc nghiệt của thiên nhiên, của những bất công trong xã hội.

Cũng giống như các vùng khác trên cả nước, tín ngưỡng dân gian của người Việt vùng đồng bằng Bắc Bộ cũng có những loại hình tín ngưỡng dân gian giống với các vùng khác trên cả nước, song lại mang đặc trưng vốn có của vùng này. Có rất nhiều cách phân loại khác nhau, ở đây, chúng tôi phân loại dựa trên cơ sở đối tượng sùng bái. Theo đó, tín ngưỡng dân gian của người Việt vùng đồng bằng Bắc Bộ gồm 5 loại như sau: *Một là* tín ngưỡng phồn thực. Loại hình tín ngưỡng này biểu hiện lòng ngưỡng mộ và sùng bái sự sinh sôi nảy nở của tự nhiên và con người, bao gồm thờ cơ quan sinh thực khí, thờ hành vi giao phối. *Hai là* tín ngưỡng thờ Mẫu. Đây là một trong những loại hình tín ngưỡng dân gian đa sắc thái, nổi bật của người Việt vùng đồng bằng Bắc Bộ. Tín ngưỡng thờ Mẫu gắn gũi với tự nhiên, đất trời và gần với thân phận của người phụ nữ Việt Nam; bao gồm việc thờ Mẫu Thiên, Mẫu Địa, Mẫu Thoải, Mẫu Thượng Ngàn. *Ba là* tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên. Loại hình tín ngưỡng này gắn với quan niệm tâm linh của con người về thế giới (quan niệm cho rằng vạn vật đều có linh hồn, chết không phải là hết); thể hiện lòng biết ơn, kính trọng đối với tổ tiên, nguồn cội; bao gồm việc thờ cúng tổ tiên diễn ra trong phạm vi gia đình và phạm vi quốc gia, dân tộc. *Bốn là* tín ngưỡng thờ Thành hoàng. Loại hình tín ngưỡng này diễn ra phổ biến trên khắp các địa phương của vùng đồng bằng Bắc Bộ; bao gồm thờ thiên thần (thờ Tứ pháp), nhiên thần (son thần, thủy thần, thổ thần...), nhân thần

(chiếm đa số trong tín ngưỡng thờ Thành hoàng ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, bao gồm thờ tự các vị có công dựng nước, dựng làng và thờ các Thánh sư, Tổ nghề). *Năm là* một số tín ngưỡng nông nghiệp khác như: tín ngưỡng thờ thần tự nhiên (thờ Tứ pháp); tín ngưỡng thờ hồn lúa; tín ngưỡng thờ thần mặt trời. Quá trình hình thành của các tín ngưỡng dân gian vùng đồng bằng Bắc Bộ chịu ảnh hưởng của các yếu tố khách quan và chủ quan.

2. Ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên

Điều kiện tự nhiên (bao gồm các điều kiện về đất, nước, khí hậu, khoáng sản...) được hiểu là môi trường sinh thái để con người tồn tại và phát triển. Điều kiện tự nhiên chính là không gian cho con người lao động và sinh sống. Con người luôn chịu những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực từ tự nhiên. Tự nhiên mang lại sự sống cho con người, song cũng chính tự nhiên lấy đi sự sống của con người, sẵn sàng lấy đi tất cả những gì đã mang lại cho họ. Tự nhiên không chỉ ảnh hưởng đến đời sống vật chất mà còn ảnh hưởng đến sự hình thành, tồn tại và phát triển của văn hóa, trong đó có tôn giáo, tín ngưỡng và tín ngưỡng dân gian.

Đồng bằng sông Hồng (hay châu thổ sông Hồng, đồng bằng Bắc Bộ) là một vùng đất rộng lớn nằm quanh khu vực hạ lưu sông Hồng thuộc miền Bắc Việt Nam (bao gồm 11 tỉnh và thành phố như: Vĩnh Phúc, Hà Nội, Bắc Ninh, Hà Nam, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Quảng Ninh). Toàn bộ miền đồng bằng Bắc Bộ nằm trên một lớp đá kết tinh cổ (loại đá giống nền đá ở vùng Đông Bắc). Đồng bằng Bắc Bộ có nhiều ô trũng tự nhiên, điển hình là ô trũng Hà Nam Ninh

(cũ), ô trũng Hải Hưng (cũ) và ô trũng Nho Quan. Ngoài ra còn có rất nhiều đầm lầy. Vùng này có khí hậu nhiệt đới và cận nhiệt đới gió mùa (nhiệt độ trung bình năm khoảng 22,5- 23,5⁰C; lượng mưa trung bình năm là 1.400-2.000mm). Đây là điều kiện thuận lợi cho thảm thực vật phát triển phong phú, đặc biệt là điều kiện thuận lợi để cư dân nơi đây phát triển nông nghiệp thâm canh trồng lúa nước.

Điều kiện tự nhiên như vậy đã mang đến cho cư dân vùng đồng bằng Bắc Bộ thảm thực vật phong phú, (bao gồm cả tài nguyên rừng, tài nguyên biển); là môi trường rất thích hợp cho sự phát triển của các loài thực vật và động vật. Đó cũng là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nền nông nghiệp. Nhiều dữ liệu của ngành khảo cổ học cho thấy rằng, từ xa xưa cư dân Việt cổ đã biết thuần hóa các loài thực vật để phục vụ cuộc sống của mình. Ở thời kì đá cũ cư dân cổ vùng này sống tập trung trên các đồi, gò khu vực trung lưu sông Hồng. Họ đã biết dùng đá cuội để chế tác công cụ. Cuối thời kì đá mới (cách chúng ta khoảng 6.000 năm), phần lớn các bộ lạc vùng này đều bước vào giai đoạn nông nghiệp trồng lúa nước [6, tr.18-20].

Nhờ sự tiến bộ về kĩ thuật chế tác đá và sự phong phú về loại hình công cụ lao động sản xuất, nền kinh tế của cư dân người Việt bấy giờ đã có bước phát triển mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực. Địa bàn cư trú được mở rộng, họ di chuyển từ vùng núi cao xuống vùng đồng bằng, ven biển và hải đảo. Hoạt động kinh tế đa dạng, (hoạt động nông nghiệp trồng lúa nước, hoạt động đánh bắt cá ven sông, suối, ven biển). Những dấu vết về lưới riu, cước đá, dấu vết chì lưới, xương cá (phát hiện ở Gò Trũng - Thanh Hóa, Hạ Long - Quảng Ninh)... là minh chứng cho

sự phong phú trong lao động sản xuất của cư dân nơi đây thời kì sơ khai trong lịch sử.

Vai trò của tự nhiên đối với người Việt cổ vùng đồng bằng Bắc Bộ rất quan trọng. Tự nhiên cung cấp cho họ những nguồn thức ăn cần thiết (sản phẩm của nông nghiệp, ngư nghiệp, sản phẩm của cả trồng trọt và chăn nuôi, nguồn dinh dưỡng chính từ cây lúa). Muốn tồn tại được họ cần phải hiểu được môi trường tự nhiên. Đó là một nguyên nhân dẫn đến sự hình thành những tín ngưỡng dân gian [3, tr.32].

Giống như bất cứ dân tộc của nền văn minh nông nghiệp nào trên thế giới, người Việt cũng sống rất hoà đồng, gắn bó với thiên nhiên (bởi chính thiên nhiên đã đem lại nguồn của cải nuôi sống họ). Họ yêu thích, quý trọng, bảo vệ, tôn thờ, sùng bái tự nhiên. Từ đó, tín ngưỡng thờ đất, nước, cây cối, súc vật, sông, núi, biển, trời... hình thành. Hầu như mọi vật mà tạo hoá sinh ra trong vũ trụ bao la và huyền bí này đều được người Việt thờ cúng.

Đồng bằng Bắc Bộ có địa hình phức tạp (núi cao xen lẫn với sông sâu biển cả và đồng bằng, khí hậu biến đổi thất thường; lũ lụt, hạn hán, bão tố kéo dài...). Với một nền nông nghiệp tự nhiên (đặc trưng chủ yếu trong phương thức sản xuất của cư dân nơi đây), nhu cầu trị thủy rất quan trọng. Do trình độ nhận thức còn thấp kém, bất lực trước sức mạnh của tự nhiên, nên họ đã thần thánh hóa, tự nhiên, gán cho tự nhiên một sức mạnh kì vĩ, họ sùng bái tự nhiên để tránh khỏi sự trừng phạt của thiên nhiên. Hình ảnh về các vị thần (thần sông, thần biển, thần mây, thần mưa, thần sấm, thần chớp) và các vị thánh mẫu (cai quản các vùng trời, biển, đất, núi rừng...) cho đến ngày nay vẫn còn tồn tại. Nó phản ánh sự nhận thức hạn chế của con người và sự ứng xử của con người trước tự nhiên.

3. Ảnh hưởng của điều kiện kinh tế - xã hội, lịch sử và văn hóa

Trong cơ cấu kinh tế của cư dân vùng đồng bằng Bắc Bộ, tuy sản xuất đóng vai trò chủ yếu, song những ngành kinh tế khác như tiểu thủ công, kinh tế vườn, đánh bắt, nuôi trồng thủy, hải sản... cũng đóng vai trò rất quan trọng. Từ rất sớm ở đồng bằng Bắc Bộ đã xuất hiện những làng nghề truyền thống, với những sản phẩm nổi tiếng trên khắp cả nước như: chạm bạc ở Đồng Xâm (Thái Bình), dệt chiếu ở Hưng Hà (Thái Bình), làm gốm sứ ở Bát Tràng (Gia Lâm - Hà Nội), đúc đồng ở Nam Định... Nền sản xuất đa ngành nghề như vậy dẫn đến nhu cầu trao đổi, buôn bán, thông thương giữa các vùng. Mô hình các chợ được hình thành. Phạm vi hẹp có chợ quê, rộng hơn có chợ huyện. Song hoạt động thương nghiệp không phải là hoạt động chủ yếu của người dân vùng đồng bằng Bắc Bộ. Nền kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước mang tính tự nhiên, tự cấp, tự túc vẫn là chính [7, tr.68]. Với đặc trưng của sản xuất nông nghiệp, người Việt buộc phải liên kết chặt chẽ trong các cộng đồng làng xóm để lấn biển, khai phá rừng rậm, mở rộng địa bàn sinh sống, chống sự xâm nhập lãnh thổ, đồng hóa văn hóa của kẻ thù.

Theo Nguyễn Hùng Hậu, Trần Đăng Sinh, phương thức sản xuất của cư dân nông nghiệp Việt Nam, trong đó có cư dân vùng đồng bằng Bắc Bộ, có dấu ấn của phương thức sản xuất Châu Á. Xét về mặt kinh tế “sở hữu chỉ tồn tại với tư cách là sở hữu tập thể về ruộng đất, bởi vậy, không có sở hữu tư nhân (không có chế độ tư hữu) về ruộng đất và đó là tất cả các hiện tượng của phương Đông, là chiếc chìa khóa để hiểu toàn bộ phương Đông” [2, tr.43]. Việt Nam cũng có những đặc điểm chung đó. Nguyễn Hùng Hậu cho rằng: “công xã nông thôn có

tính chất biệt lập, nó giống như những ốc đảo độc lập, như những mảnh nhỏ của con giun sau khi chặt đứt ra chúng vẫn sống và tồn tại” [2, tr.44]. Trong xã hội của người Việt nói chung và cư dân vùng đồng bằng Bắc Bộ nói riêng thì “làng có cấu trúc chặt, là đơn vị kinh tế - xã hội - quân sự - văn hóa hoàn chỉnh” [7, tr.69]. Làng là tập hợp của những dòng họ, lấy gia đình làm hạt nhân nền tảng. Người dân sống quần tụ trong một không gian chung, tiến hành lao động sản xuất và có những hình thức sinh hoạt văn hóa tinh thần đáp ứng nhu cầu tâm linh tín ngưỡng. Làng của người Việt Nam nói chung, làng của người dân vùng đồng bằng Bắc Bộ nói riêng, có vai trò hết sức quan trọng trong việc hình thành và gìn giữ những giá trị văn hóa truyền thống, tâm linh, tín ngưỡng, trong đó có ý thức về cội nguồn, lòng biết ơn những người đã có công tạo dựng nghề nghiệp và cả những người đã chiến đấu để bảo vệ cuộc sống cho mọi người.

Một đặc điểm hết sức nổi bật song song với hoạt động lao động sản xuất của cư dân người Việt vùng đồng bằng Bắc Bộ, đó là việc cư dân nơi đây luôn phải chống giặc ngoại xâm, chống lại sự bành trướng, xâm lược lãnh thổ và đồng hóa văn hóa. Vào cuối giai đoạn văn minh sông Hồng, trên cơ sở văn hóa Đông Sơn phát triển rực rỡ, Nhà nước Văn Lang đã ra đời. Đó là nhà nước phôi thai, ở đó kết cấu cộng đồng nguyên thủy vẫn chưa hoàn toàn bị thủ tiêu, sự phân hóa giai cấp, phân công lao động, chế độ tư hữu chỉ mới vừa bắt đầu. Thế nhưng nhà nước đó đã bị nhà Tần, rồi đến nhà Hán đã xâm lược, đặt ách nô dịch hơn 1.000 năm. Và cộng đồng mang đậm màu sắc nguyên thủy đáng lẽ bị phá vỡ một cách tự nhiên trong quá trình phát triển của Nhà nước Văn Lang, thì nay lại phải cố kết lại để tạo nên sức mạnh chống xâm lược và

đồng hóa. Tác giả Phan Huy Lê cho rằng, chỉ tính từ cuộc kháng chiến chống quân Tần thế kỉ III (trước CN) đến năm 1975, dân tộc Việt Nam đã phải tiến hành 15 cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, trong đó, 12 cuộc chiến tranh thắng lợi hiển hách, chỉ có 3 cuộc kháng chiến bị thất bại tạm thời dẫn đến ba thời gian mất nước đau thương và nguy hiểm [2, tr.36]. Do quan niệm rằng cuộc sống của con người vẫn tồn tại sau khi chết, và do biết ơn đối với những người đã anh dũng hi sinh để đem lại cho mình cuộc sống ấm no, hạnh phúc, nên người Việt đã suy tôn những người đó trở thành những vị thần với những chức tước và phẩm hàm theo giá trị trong sự cống hiến của họ. Sự suy tôn đó thể hiện từ việc thờ cúng vua Hùng, thờ Ông Hoàng Mười, Hoàng Bảy, Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, cho đến việc thờ cúng Tổ tiên trong gia đình.

4. Ảnh hưởng của Phật giáo

Phật giáo là một trong ba tôn giáo lớn của thế giới. Phật giáo ra đời ở Ấn Độ, du nhập vào Việt Nam từ rất sớm, khoảng thế kỉ thứ III (trước CN).

Phù hợp với tinh thần vị tha, bao dung, đùm bọc lẫn nhau của người Việt, Phật giáo đã nhanh chóng hòa nhập và thâm nhập sâu vào trong đời sống, tín ngưỡng dân gian của người Việt nói chung và người dân vùng đồng bằng Bắc Bộ nói riêng. Phật giáo từ Ấn Độ khi du nhập vào Việt Nam đã có sự thay đổi cho phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Trong Phật giáo Ấn Độ, tính nam giới được đề cao, nhưng khi du nhập vào Phật giáo Việt Nam, tính nữ lại được đề cao. Trong tư duy của người Việt, người phụ nữ có vai trò hết sức quan trọng. Để chỉ một điều gì đó quan trọng người Việt thường sử

dụng các từ ngấm chỉ tới mẹ như: đường cái, sông cái, đũa cả... Trong sinh hoạt tín ngưỡng, người Việt có các tục thờ Mẹ. Để thích nghi và tồn tại được thì Phật giáo đã có những sự biến đổi và kết hợp nhuần nhuyễn một cách hòa bình với tín ngưỡng bản địa. Chẳng hạn như, hình ảnh Mẫu Man Nương là biểu tượng của tín ngưỡng thờ những vị thần tự nhiên có vai trò to lớn trong hoạt động sản xuất nông nghiệp của nước ta. Những vị thần cai quản trong sản xuất nông nghiệp (có thể kể đến như Bà Dâu, Bà Đậu, Bà Tướng, Bà Dàn) được Phật giáo hóa trở thành những vị Phật Bà với những đặc điểm nổi bật của nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước. Hình ảnh đó phản ánh mong muốn có sự sinh sôi nảy nở, phồn thịnh, bội thu, mưa thuận gió hòa. Hình ảnh Phật Mẫu Man Nương (được xây dựng độc đáo trong Cổ Châu Phật Bản Hạnh) đã phản ánh sự kết hợp một cách hài hòa, tinh tế trong hòa bình của Phật giáo từ Ấn Độ với văn hóa bản địa. Từ lâu trong tâm thức của người dân hình ảnh Mẫu Man Nương được ví như người mẹ Xứ sở (giống như trong thần thoại Hi Lạp Gaia được ví như mẹ của vị thần ngự trị tam giới, đó là thần Dớt). Mẫu Man Nương được người dân ca tụng và lập đền thờ. Hệ thống chùa Tứ pháp chính là sự khẳng định sức sống và xu hướng đề cao vai trò tính nữ trong tín ngưỡng bản địa của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước trước sự du nhập của đạo Phật vào nước ta. Ngoài ra, có thể kể đến sự đan xen kết hợp hài hòa giữa Phật giáo và tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu Hạnh, tục thờ Tam phủ, Tứ phủ. Bên cạnh Chử Đồng Tử, thánh Tản Viên, thánh Gióng thì không thể thiếu hình ảnh của thánh Mẫu Liễu Hạnh (được coi là một trong tứ bất tử trong tâm thức của người Việt Nam). “Dựa theo truyền thuyết, mẫu Liễu Hạnh được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cứu khi bà bị thua

trong trận chiến Sông Sơn với các ông Thánh của phái Nội Đạo Tràng. Từ đó, Mẫu đã quy y Phật pháp trở thành một tín đồ của đạo Phật” [11, tr.59]. Ngày nay, trong các chùa thường có gian thờ Mẫu trong quần thể thờ Phật. Sự đan xen, kết hợp hài hòa giữa đạo Phật với tín ngưỡng thờ mẫu cho thấy tính dung hòa trong tôn giáo và tín ngưỡng của người Việt, nhất là người Việt vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Bên cạnh đó, sự kết hợp hài hòa giữa Phật giáo và tín ngưỡng bản địa còn thể hiện cội nguồn sức mạnh của sự từ bi, hỉ xả, của bác ái, vị tha, của tinh thần tương thân tương ái. Mang trong mình triết lý nhân sinh, Phật giáo đã ảnh hưởng khá sâu đậm tới lối sống, nếp nghĩ của người Việt. Tinh thần “từ bi hỉ xả”, “cứu một mạng người bằng xây bảy tòa tháp”, tinh thần “tự độ độ tha, tự giác giác tha” nhắc nhở con người không phải sống chỉ vì mình mà còn sống vì người khác. Chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ triết lý nhân sinh của Phật giáo, tín ngưỡng của người Việt còn thể hiện tính nhân văn, vì con người. Hệ thống tín ngưỡng của người Việt không chỉ dừng lại ở sự tôn sùng, thờ phụng sức mạnh siêu nhiên của một đấng tối cao nào đó, hay suy tôn một lực lượng cá nhân nào đó có vai trò đối với đời sống của họ, mà còn thể hiện tính nhân văn cao cả. Đó là sự biết ơn đối với những người có công với Tổ quốc, biết ơn với tổ tiên giống nòi, biết ơn với các vị thánh thần đã ban sức mạnh, che chở cho con người có được mùa màng bội thu, biết ơn đối với những bậc sư tổ đã mang lại cho con người những công việc, những kế sinh nhai... Tất cả điều đó đã mang đến sự kết hợp hài hòa, nhuần nhuyễn giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian của người Việt. Sự tồn tại tín ngưỡng dân gian, sự đan xen, ảnh hưởng của Phật giáo từ bao đời nay trở thành cái nôi nuôi dưỡng tâm hồn người Việt.

5. Ảnh hưởng của Nho giáo

Nho giáo là một trong những trường phái triết học chính thống của Trung Hoa cổ đại. Cũng giống như Phật giáo, Nho giáo có ảnh hưởng sâu rộng không chỉ trong lĩnh vực chính trị, mà còn cả trong đời sống tinh thần, trong đó có các sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng dân gian của người dân Việt Nam nói chung và cư dân vùng đồng bằng Bắc Bộ nói riêng. Việc tiếp thu tư tưởng của Nho giáo ít nhiều đã ảnh hưởng đến sinh hoạt tín ngưỡng của dân tộc ta, góp phần tô đậm hơn giá trị trong sinh hoạt tín ngưỡng của người Việt nói chung và người Việt vùng đồng bằng Bắc Bộ nói riêng.

Sự ảnh hưởng tư tưởng của Nho giáo đến sinh hoạt tín ngưỡng dân gian của người Việt được thể hiện rõ nét trong các nội dung và sinh hoạt tín ngưỡng. Hầu như các nghi thức tiến hành trong sinh hoạt tín ngưỡng đều được các nhà nho ghi lại, truyền lại và tổ chức sinh hoạt cho người dân. Nho giáo coi chữ Nhân là đạo đức hoàn thiện nhất (kể có nhân ấy, ấy là con người vậy, người có nhân thì yêu con người). Trong xã hội ngày nay, tư tưởng đó của Nho giáo vẫn được coi trọng và thể hiện qua cách sống “mình vì mọi người, mọi người vì mình”, qua các phong trào thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa, uống nước nhớ nguồn, qua các nghĩa cử tương thân tương ái. Nho giáo cũng đặc biệt coi trọng gia đình, xem gia đình là gốc của quốc gia. Gia đình theo Nho giáo phải được xây dựng trên nền tảng của luân lý thành kính với tổ tiên, có hiếu với ông bà, cha mẹ. Trong tâm thức của người Việt Nam, hiếu với cha mẹ luôn là lẽ sống, là đạo lý làm người. Nho giáo xâm nhập vào nước ta đã góp phần nâng cao, hệ thống hóa và làm sâu sắc hơn tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên.

Ngoài ra, Nho giáo với tư tưởng về trời, đất và con người (thiên, địa, nhân hợp nhất là một trong những nội dung quan trọng) có sức ảnh hưởng sâu rộng và rõ nét trong sinh hoạt tín ngưỡng của người dân nước ta. Đối tượng Nho giáo hướng tới chủ yếu không phải là toàn bộ quần chúng nhân dân, mà chủ yếu là vua quan. Song Nho giáo đã thâm nhập vào các sinh hoạt văn hóa tinh thần, trong đó có sinh hoạt tín ngưỡng dân gian. Chẳng hạn như, trong tín ngưỡng thờ Tam phủ, Tứ phủ, thờ các vị anh hùng, thần linh, thờ thổ công, thổ địa, thờ các vị sơn thần, hà bá đều bị ảnh hưởng bởi tư tưởng thiên - địa - nhân hợp nhất của Nho giáo. Các hình thức sinh hoạt tín ngưỡng có sự lồng ghép đan xen vào nhau giữa các yếu tố trời, đất và con người để cầu mong mưa thuận, gió hòa, cầu bình an cho dân chúng. Tư tưởng của Nho giáo khi thâm nhập vào các sinh hoạt tín ngưỡng này đã góp phần khắc họa đậm nét hơn, nâng cao hơn nữa giá trị tư tưởng của các sinh hoạt tín ngưỡng dân gian của người dân nói chung và của cư dân vùng đồng bằng Bắc Bộ nói riêng.

6. Ảnh hưởng của Đạo giáo

Cùng với Phật giáo và Nho giáo, Đạo giáo du nhập vào nước ta từ khá sớm. Nhiều học giả khẳng định “Đạo giáo Trung Quốc du nhập vào nước ta khá sớm, ít nhất là từ thời Bắc thuộc. Thời Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần thì Đạo giáo là một trong “Tam giáo đồng nguyên”” [10, tr.175]. Với tính chất phương sĩ ma thuật vốn có nguồn gốc từ những tín ngưỡng saman giáo và ma thuật ở Trung Quốc, Đạo giáo thâm nhập dễ dàng vào các tín ngưỡng của nước ta bởi sự tương đồng với tín ngưỡng bản địa ở tính chất đa thần

và giàu chất trực quan. Ngay từ khi Nho giáo chưa tìm được chỗ đứng ở Việt Nam thì Đạo giáo (đặc biệt là Đạo giáo phù thủy) nhờ sự tương đồng với các ma thuật phù phép địa phương đã nhanh chóng bắt nhịp, đan xen vào các sinh hoạt tín ngưỡng của người dân. Thời tiền sử, người Việt đã biết dùng bùa chú, bởi họ tin rằng có thể trị tà ma, chữa bệnh, sai âm binh, tàng hình... Người Việt càng tin vào các ma thuật biến hóa của Đạo giáo, có cơ sở để nâng giá trị các ma thuật trong sinh hoạt tín ngưỡng của mình. Đối tượng và nghi thức thờ cúng cùng với các tập tục của Đạo giáo là môi trường thuận lợi cho những ông đồng, bà cốt, thầy cúng, thầy địa lý, thầy tướng số hành nghề. Có tác giả cho rằng: “Trong khi Nho giáo chưa tìm được chỗ đứng ở Việt Nam thì Đạo giáo đã tìm thấy ngay những tín ngưỡng tương đồng có sẵn từ lâu... Vì vậy, dễ hiểu tại sao Đạo giáo, trước hết là Đạo giáo phù thủy, đã thâm nhập nhanh chóng và hòa quyện dễ dàng với tín ngưỡng ma thuật cổ truyền tới mức không còn ranh giới. Do vậy mà tình hình Đạo giáo ở Việt Nam rất phức tạp, khiến cho không ít nhà nghiên cứu đã quy hết mọi tín ngưỡng cổ truyền Việt Nam cho Đạo giáo, và ngược lại, người Việt Nam sính đồng bóng, bùa chú thì lại chẳng biết Đạo giáo là gì” [9, tr.227]. Vì vậy, một số tín ngưỡng của nước ta hiện nay nếu nhìn bề ngoài thì có vẻ là sản phẩm của Đạo giáo, nhưng kỳ thực đó là tín ngưỡng dân gian của người Việt Nam với một vài ảnh hưởng của Đạo giáo. Chẳng hạn như Đạo Mẫu là một hình thức Đạo giáo đậm chất Việt Nam, hoặc đơn giản là một tín ngưỡng dân gian mang đậm màu sắc của người Việt với một số ảnh hưởng của Đạo giáo. Hoặc tục thờ Thần, Thánh, thờ tổ tiên đều mang màu sắc của Đạo giáo nhưng là một loạt hệ thống tín ngưỡng vốn có của dân tộc ta, ra đời từ

chính hoạt động sản xuất nông nghiệp thâm canh cây lúa nước. Yếu tố Đạo giáo chỉ là biểu hiện về mặt hình thức, sự ảnh hưởng về mặt nội dung đối với các sinh hoạt tín ngưỡng này là không đáng kể.

So với Phật giáo và Nho giáo, Đạo giáo đã thâm thấu một cách tự nhiên vào trong đời sống tâm linh và các sinh hoạt tín ngưỡng của người Việt. Giữa Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian của người Việt nói chung và của người Việt vùng đồng bằng Bắc Bộ nói riêng rất khó phân định rạch ròi. Bởi lẽ, tín ngưỡng dân gian từ xa xưa của người Việt cũng mang rất nhiều yếu tố phù thủy và cũng rất nhiều yếu tố thần tiên. Sự kết hợp một cách rất tự nhiên ấy càng góp phần tô đậm thêm nét riêng của nền văn hóa Việt, mang đậm phong cách Việt, tồn tại lâu dài cho tới tận ngày nay.

7. Kết luận

Tín ngưỡng dân gian của người Việt vùng đồng bằng Bắc Bộ là sản phẩm của tư duy con người được hình thành từ thời nguyên thủy, phản ánh hư ảo sự nhận thức của con người về thế giới và vị trí, vai trò của chính bản thân con người. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và văn hóa vùng đồng bằng Bắc Bộ là những nhân tố trực tiếp tác động đến quá trình hình thành và tồn tại của tín ngưỡng dân gian của người Việt. Bên cạnh đó, các tôn giáo ngoại lai (đặc biệt là tam giáo) có vai trò to lớn trong sự hình thành, tồn tại của hệ thống tín ngưỡng dân gian của người Việt vùng đồng bằng Bắc Bộ. Hiện nay, hoạt động tín ngưỡng diễn ra ngày một phức tạp (các sinh hoạt tín ngưỡng có mục đích trục lợi, thương mại hóa; có tính mê tín dị đoan, buôn thần bán thánh, thậm chí có tính chất bạo lực, phá vỡ thuần phong mỹ tục của cộng đồng làng

xã). Do vậy, nghiên cứu cơ sở hình thành tín ngưỡng dân gian của người Việt vùng đồng bằng Bắc Bộ góp phần khắc phục những mặt trái của sinh hoạt tín ngưỡng (như mê tín, dị đoan) và lành mạnh hóa đời sống tinh thần của con người.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Đăng Duy (2000), “Cần đính chính lại cách gọi tín ngưỡng dân gian”, *Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo*, số 1.
- [2] Nguyễn Hùng Hậu (2010), *Đại cương lịch sử triết học Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] Lê Như Hoa (2001), *Tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [4] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2007), *Lý luận về tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] Nhiều tác giả (2000), *Hỏi đáp về văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Hữu Quýnh (Chủ biên) (2015), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, t.1, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [7] Trần Đăng Sinh (2002), *Những khía cạnh triết học trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ở đồng bằng Bắc Bộ hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [8] Hồ Bá Thâm (2005), “Tín ngưỡng dân gian - một lĩnh vực đời sống tâm linh - rất cần sự quan tâm của toàn xã hội”, *Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo*, số 4.
- [9] Trần Ngọc Thêm (2011), *Cơ sở Văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [10] Ngô Đức Thịnh (2001), *Tín ngưỡng và văn hoá tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [11] Nguyễn Hữu Thụ (2013), *Luận án tiến sĩ triết học: Khía cạnh triết học trong tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [12] Thích Thanh Từ (2005), *Phật giáo trong mạch sống dân tộc*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
- [13] Đặng Nghiêm Vạn (2003), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

